

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 118/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-12-2023
V/v tranh chấp về thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đinh Ngọc Đình
- Ông Đinh Ngọc Minh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Quê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 244/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Thanh S, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số E, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Long An, có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Lê Thị L, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số E, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Long An, có mặt.

Địa chỉ liên hệ: Số C, đường Đ, khu phố B, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 9 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Thanh S trình bày:

Ông và bà Lê Thị L được Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An cho ly hôn tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 118/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2023.

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Lê Tổ N, sinh ngày 18/11/2012 và con tên Trần Hạo N1, sinh ngày 07/7/2019 cho bà Lê Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Trần Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn bà L giao con chung cho bà ngoại nuôi dưỡng và các con ở xa nên ông không thực hiện được việc thăm nom, chăm sóc các con. Ngoài ra, bà L và chị bà L còn đăng thông tin không chính xác về ông lên mạng xã hội dẫn đến việc gia đình bà L có cái nhìn không tốt về ông nên không thuận lợi cho ông trong việc thăm nom con. Nay ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Hạo N1, sinh ngày 07/7/2019 và giao con chung tên Trần Lê Tổ N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Bà Lê Thị L là bị đơn trình bày: Bà không đồng ý giao con chung tên Trần Hạo N1, sinh ngày 07/7/2019 cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, vì ông S có người phụ nữ khác bà không muốn con bà phải sống với mẹ ghẻ, hiện căn nhà của ông S đang ở đã thế chấp cho người khác nên bà sợ ông S không thanh toán nợ thì không có nhà ở sẽ ảnh hưởng đến việc nuôi dưỡng con. Bà yêu cầu giữ nguyên tình trạng nuôi con chung như hiện nay vì gia đình bà đã tạo điều kiện cho ông S đến thăm con, ông S vẫn thường xuyên gọi điện thoại nói chuyện trực tiếp với con. Vì vậy, bà không đồng ý với lời trình bày của ông S, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông S và bà yêu cầu giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay cũng như tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 118/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Thanh S có đơn khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn với bà Lê Thị L, việc tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà L cư trú tại huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ông S yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Hạo N1, sinh ngày 07/7/2019 và giao con chung tên Trần Lê Tổ N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[3] Xét nghề nghiệp, điều kiện kinh tế của hai đương sự: Ông S trình bày, công việc của ông là làm tài xế cho công ty X, có thu nhập trung bình hàng tháng khoảng hơn 9.000.000 đồng/tháng. Bà L xác định, bà có công việc là làm công nhân cho công ty, có thu nhập hàng tháng khoảng 9.000.000 đồng/tháng. Như vậy, cả hai đương sự đều có thu nhập, đảm bảo điều kiện kinh tế để nuôi con chung.

[4] Xét điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con: Ông S thừa nhận sau khi vợ chồng ly hôn bà L cũng như các thành viên gia đình bà L có tạo điều kiện cho ông thăm nom con, không bị ai cản trở nhưng khoảng hơn 01 tháng nay ông không thực hiện được quyền thăm nom con do gia đình bà L cản

trở nhưng ông không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Ngoài ra, với lý do bà L đăng thông tin không chính xác về ông lên mạng xã hội dẫn đến việc gia đình bà L có cái nhìn không tốt về ông nên không thuận lợi cho ông trong việc thăm nom con như ông trình bày không phải là căn cứ để thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

[5] Từ những nhận định trên có căn cứ xác định: Từ sau khi ly hôn, bé Hạo N1 được chăm sóc, vui chơi, có sức khỏe, được học tập và ổn định cuộc sống nên bà L đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, để không ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và từ thực tế nuôi dưỡng bé Hạo N1 cần giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay là bà L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về án phí: Nguyên đơn ông S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 3 Điều 28, Điều 35 và Điều 39, các Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh S đối với bà Lê Thị L về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

2. Về án phí: Ông Trần Thanh S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003673 ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh LA;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ái Duy